

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Biểu giá dịch vụ Cảng biển quốc tế Namas An Thới đối với các các Chủ hàng, Chủ tàu vận tải và Hành khách quốc tế

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH CẢNG QUỐC TẾ NAMAS AN THỚI

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam số 59/2015/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH12, ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 54/2018/TT-BGTVT, ngày 4 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Cảng quốc tế Namas An Thới;

Căn cứ tình hình thực tế và kết luận cuộc họp của Ban lãnh đạo Công ty về giá dịch vụ cảng biển của Cảng quốc tế Namas An Thới;

Xét đề nghị của Giám đốc điều hành Cảng quốc tế Namas An Thới.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu giá dịch vụ cảng biển quốc tế Namas An Thới đối với các các Chủ hàng, Chủ tàu vận tải và Hành khách quốc tế (biểu giá ngoại).

Điều 2. Giá quy định tại Biểu giá dịch vụ này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Đối tượng áp dụng bao gồm:



1. Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải, tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại cảng biển Việt Nam.
2. Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải.
3. Tàu thuyền vận tải hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, tàu thuyền chuyên dùng hoạt động trên tuyến quốc tế vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải.
4. Hành khách của tàu khách từ nước ngoài đến Việt Nam (hoặc ngược lại) bằng đường biển, đường thủy nội địa vào, rời khu vực hàng hải.

Điều 4. Ban giám đốc, các phòng ban chức năng của công ty TNHH Cảng quốc tế Namas An Thới chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá – Bộ Tài Chính;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Các đại lý, chủ hàng và chủ phương tiện;
- Lưu: VT; PKD.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Quang Duy

PHẦN I: BIỂU GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN CÔNG TY TNHH CẢNG BIỂN QUỐC TẾ NAMAS AN THỚI

- (Thanh toán bằng USD - Giá chưa bao gồm VAT)
- Ban hành kèm theo Quyết định số ..01. ngày 16/12/22 của Tổng Giám đốc CÔNG TY TNHH Cảng quốc tế Namas An Thới.

PHẦN A: QUY ĐỊNH CHUNG

I. Thời gian làm việc

1. Thời gian làm việc giờ hành chính: 08:00 - 17:00
2. Giờ làm việc theo ca:
 - a. Ca 1: 06:00 - 18:00
 - b. Ca 2: 18:00 - 06:00

Nhân viên đi ca làm việc kể cả thứ 7, chủ nhật, ngày lễ.

II. Đơn vị tính dịch vụ cảng biển và cách quy tròn

1. Đơn vị dung tích toàn phần:

- 1.1.1. Dung tích toàn phần: Gross Tonnage (GT) của tàu biển là dung tích toàn phần (GT) lớn nhất của tàu biển, phương tiện thủy ghi trên Giấy Chứng Nhận của cơ quan đăng kiểm.
- 1.1.2. Quy đổi: phần lẻ dưới 0.5 GT không tính, từ 0.5 GT tính tròn 1 GT.
- 1.1.3. Những phương tiện thủy không ghi GT tính đổi như sau:
 - 1.1.3.1. Tàu thủy chở hàng: 1.5 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 1 GT.
 - 1.1.3.2. Tàu kéo, tàu đẩy: 1 mã lực (HP / CV) tính bằng 0.5 GT.
 - 1.1.3.3. Sà lan, ghe: 1.5 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 1 GT.

2. Đơn vị công suất máy:

- 2.1. Công Suất máy được tính bằng mã lực (HP / CV) trên máy chính của tàu biển, phương tiện thủy hoặc Kw.
- 2.2. Quy đổi phần lẻ dưới 1 HP/CV/Kw tính tròn thành 1 HP/CV/Kw.

3. Đơn vị trọng lượng hoặc khối lượng:

- 3.1. Trọng lượng tính giá là Tấn (Metric Ton - MT) bao gồm hàng hóa kể cả bao bì (Gross Weight - GW) được thể hiện trên lệnh giao hàng (Delivery Order - D/O)